

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2021/DS-PT

Ngày 13-5-2021

V/v tranh chấp quyền về lỗi đi qua

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các Thẩm phán:

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Ông Lê Minh Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Phượng Tường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 352/2020/TLPT-DS ngày 25/11/2020 về “Tranh chấp quyền về lỗi đi qua”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 184/2020/DS-ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 297/2020/QĐ-PT ngày 02/12/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn M, sinh năm 1969 (có mặt)

Địa chỉ: số nhà 8/X, ấp Q, xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn:

- Ông Dương Văn Đ, sinh năm 1965 (có mặt)

- Bà Hồ Thị A, sinh năm 1968

Cùng địa chỉ: số nhà 68/X, ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre

- Ông Dương Văn R, sinh năm 1941

- Bà Duy Thị L, sinh năm 1945

Cùng địa chỉ: số nhà 75/X, ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre

Người đại diện theo ủy quyền của ông R, bà L, bà A: ông Dương Văn Đ
(Theo văn bản ủy quyền ngày 15/12/2020).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1949
- Chị Phạm Thị Thúy P, sinh năm 1972
- Chị Lê Thị T, sinh năm 1989
- Chị Lê Thị T1, sinh năm 1991
- Chị Lê Thị Đ, sinh năm 1994

Cùng địa chỉ: ấp Q, xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre

Người đại diện theo ủy quyền của bà B, chị P, chị T, chị T1, chị Đ là: Ông Lê Văn M (Theo văn bản ủy quyền ngày 18/7/2014)

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Dương Văn Đ, bà Hồ Thị A, ông Dương Văn R, bà Duy Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung bản án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Lê Văn M trình bày:

Ông là chủ sử dụng phần đất có diện tích 5816m², thuộc thửa đất 02, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre. Từ nhà ông đi ra đường công cộng phải đi qua thửa đất 93, tờ bản đồ số 24 của ông Đ, bà A. Năm 2006, để thuận lợi cho việc đi lại nên ông có hỏi vợ chồng, ông Đ cho ông làm đường bê tông và được vợ, chồng ông Đ đồng ý; đường có chiều ngang khoảng 0,6m, chiều dài khoảng 120m. Đến năm 2012, không hiểu lí do nào mà ông Đ đào cắt ngang lối đi 02 đoạn, phần ngoài lối đi bị cắt khoảng 01m, phần phía trong lối đi bị cắt khoảng 02m. Do đường bị cắt một đoạn dài và sâu nên việc đi lại của gia đình ông gặp khó khăn, xe không thể chạy, dắt qua được. Việc này ông có gặp vợ, chồng ông Đ để thương lượng nhưng không thành nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Qua kết quả đo đạc thì phần lối đi ông yêu cầu thuộc hai thửa đất: thửa 93, tờ bản đồ số 24 do ông Đ, bà A đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thửa 58, tờ bản đồ số 24 do ông R, bà L đứng tên quyền sử dụng đất. Sau khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử thì ông R thuê máy đào đất trên một phần lối đi, phần đất đào trên lối đi cho chiều ngang khoảng 1,5m, chiều dài khoảng 60m, sâu khoảng 03m nằm cắt sạt đường bê tông.

Do đó, ông yêu cầu Tòa án buộc ông Đ, bà A, ông R, bà L phải dành cho gia đình ông một phần đất để dùng làm lối đi qua. Yêu cầu ông Đ, bà A mở cho gia đình ông lối đi theo kết quả đo đạc thực tế có diện tích 50.8m² (chiều dài 61,4m, chiều ngang 0,83m) thuộc một phần thửa đất số 93; yêu cầu ông R, bà L mở lối đi có diện tích 72m² (chiều dài 64,4m, chiều ngang 1,17m) thuộc một phần thửa đất số 58, cùng tờ bản đồ số 02, tọa lạc

tại ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre vì lối đi này gia đình ông không còn lối đi nào khác. Đối với lối đi mà ông Đ, bà A đồng ý mở cho ông trên thửa đất khác với chiều rộng tính từ mé bờ vô chỉ có 0,6m thì quá hẹp và có một đoạn nương phải bắt cầu cao để cho ghe ông Đ đi qua nên lối đi này không thể đi được.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Dương Văn Đ, bà Hồ Thị A trình bày:

Năm 2006, khi vợ, chồng ông đi làm ăn xa không có ở nhà, ông M đã tự ý đổ bê tông trên phần đất của ông để làm đường đi ra đường công cộng nhưng lúc đó vì tình làng nghĩa xóm nên ông cũng đồng ý để ông M đi trên lối đi này và không có ý kiến gì. Đến năm 2013, do có nhu cầu chăn nuôi nên gia đình ông có đào 02 cái nương cắt ngang đường bê tông để làm đường thoát nước, hai đoạn nương ông đào nếu ông M bắt cầu cây thì vẫn đi bộ qua được. Ông không đồng ý mở lối đi cho ông M trên phần đất của ông vì nếu chấp nhận cho ông M tiếp tục đi trên lối đi này sẽ ảnh hưởng đến kinh tế, ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình ông. Ông, bà đồng ý mở cho ông M lối đi thuộc thửa đất số 4, tờ bản đồ số 10 của ông, bà với chiều ngang 01m, chiều dài hết chiều dài của đất nhưng ông M phải tự tạo lối đi mới ở dưới nước hoặc nếu không thì ông, bà sẽ cho ông M được đi trên bờ dừa nhưng ông, bà chỉ cho chiều ngang lối đi 0,6m tính từ mé bờ vào, không được đi ở giữa bờ. Trên lối đi này có hai đoạn nương, đoạn nương đầu dành cho xuống của gia đình ông, bà qua lại hàng ngày để cắt cỏ nên nếu ông M sử dụng lối đi này thì ông M phải bắt cầu cao để xuống qua lại được, ông bà đồng ý cho ông M dọn dẹp bụi trái và cây tạp khác trên lối đi này.

Trong quá trình tố tụng, ông Dương Văn R, bà Duy Thị L trình bày:

Trước đây, phần đất của ông bà thuộc thửa 58, giáp với thửa 93 của ông Đ. Hai thửa này cách nhau một cái bờ nhưng khoảng 10 năm nay thì ông Đ kẻ thêm bờ để trồng dừa nên hai thửa hiện liền nhau, không có cắm trụ ranh để phân biệt ranh giữa hai thửa. Cách đây 04, 05 năm, ông M tự ý đổ bê tông trên phần đất giáp ranh giữa ông, bà và ông Đ, đường bê tông có chiều ngang khoảng 0,6m, chiều dài hết đất để thuận tiện cho việc đi lại. Khi biết sự việc, gia đình ông, bà và ông Đ cũng không phản đối vì tình nghĩa làng xóm nhưng khoảng 02 năm nay con của ông, bà cất nhà để buôn bán gần ranh giữa ông, bà và ông Đ nên ông, bà không đồng ý cho ông M đi qua phần đất của ông, bà, vì sẽ ảnh hưởng đến việc mua bán của con ông, bà. Do đó, bà và ông R rất không đồng ý mở lối đi theo yêu cầu của ông M.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện T đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 131/2016/DS-ST ngày 27/7/2016 của Tòa án nhân dân huyện T đã tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Lê Văn M về việc buộc ông Dương Văn Đ, bà Hồ Thị A mở lối đi.

Ngày 16/11/2016 Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm, tại bản án dân sự phúc thẩm số 288/2016/DS-PT tuyên hủy bản án dân sự sơ thẩm số 131/2016/DS-ST ngày 27/7/2016, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện T xét xử lại vụ án theo đúng quy định pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 184/2020/DS-ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện T đã tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn M về việc tranh chấp quyền về lối đi qua.

2. Buộc ông Dương Văn Đ và bà Hồ Thị A phải dành một phần diện tích đất thuộc một phần thửa 93, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông bà để làm lối đi qua cho hộ ông Lê Văn M gồm: bà Nguyễn Thị B, chị Phạm Thị Thúy P, chị Lê Thị T, chị Lê Thị T1, chị Lê Thị Đ có diện tích là 50,8m² tại thửa 93a+93b+93c (có chiều dài giáp với thửa 93 còn lại là 60,45m, chiều ngang đầu ngoài giáp đường đi là 1,18m (0,63m+0,30m+0,25m); ngang đầu trong giáp thửa số 02 là 0,5m (0,20m+0,30m)). Có kết quả đo đạc địa chính họa đồ hiện trạng sử dụng thửa đất ngày 27/10/2017 của Văn phòng Đăng ký đất đai Chi nhánh huyện T kèm theo.

3. Buộc ông Dương Văn R và bà Duy Thị L phải dành một phần diện tích đất thuộc một phần thửa 58, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông R, bà L để làm lối đi qua cho hộ ông Lê Văn M gồm: bà Nguyễn Thị B, chị Phạm Thị Thúy P, chị Lê Thị T, chị Lê Thị T1, chị Lê Thị Đ có diện tích là 72m² tại thửa 58a+58b (có chiều ngang giáp với thửa 58 còn lại là 60,44m, chiều ngang đầu ngoài giáp với đường đi là 0,82m, ngang đầu trong giáp thửa số 163 là 1,56m (0,32m+1,24m)). Có kết quả đo đạc địa chính họa đồ hiện trạng sử dụng thửa đất ngày 27/10/2017 của Văn phòng Đăng ký đất đai Chi nhánh huyện T kèm theo.

Trên lối đi hiện hữu đường đan có diện tích 137,8m² (ký hiệu 93a, 58b, trong đó thửa 93a diện tích 132,8m²; thửa 58b diện tích 5,0m²).

4. Buộc hộ ông Lê Văn M gồm bà Nguyễn Thị B, chị Phạm Thị Thúy P, chị Lê Thị T, chị Lê Thị T1, chị Lê Thị Đ phải liên đới đền bù cho ông Dương Văn Đ, bà Hồ Thị A số tiền là 7.400.000 đồng; đền bù cho ông Dương Văn R, bà Duy Thị L số tiền là 9.000.000 đồng.

5. Tuyên bố hạn chế quyền sử dụng đất của ông Dương Văn Đ, bà Hồ Thị A, ông Dương Văn R và bà Duy Thị L đối với diện tích làm lối đi mà hộ ông Lê Văn M gồm bà Nguyễn Thị B, chị Phạm Thị Thúy P, chị Lê Thị T, chị Lê Thị T1, chị Lê Thị Đ được quyền sử dụng, giới hạn chiều cao lối đi là 3m tính từ mặt đất.

6. Hộ ông Lê Văn M gồm bà Nguyễn Thị B, chị Phạm Thị Thúy P, chị Lê Thị T, chị Lê Thị T1, chị Lê Thị Đ được quyền sử dụng hạn chế quyền sử dụng đất của ông Dương Văn Đ, bà Hồ Thị A, ông Dương Văn R, bà Duy Thị L đối với phần lối đi được sử dụng. Trong quá trình sử dụng phần lối đi, hộ ông M được quyền sửa chữa, cải tạo, làm cầu hoặc cống thoát nước trên lối đi hiện có để đi ra đường công cộng một cách thuận tiện nhất nhưng phải hạn chế tối đa về việc gây thiệt hại cho ông Đ, bà A, ông R, bà L và phải tuân thủ các điều kiện được đảm bảo trong quá trình sử dụng đất của các bên mà pháp luật quy định.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, lãi chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/10/2020, bị đơn các ông, bà Dương Văn Đ, bà Hồ Thị A, bà Duy Thị L, Dương Văn R kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu mở lối đi của ông M qua phần đất liền kề của ông và ông R là ảnh hưởng đến việc sử dụng đất sau này của gia đình các ông nên đề nghị xem xét lại bản án sơ thẩm, mở một lối đi khác để thuận tiện hơn về việc sử dụng đất sau này của gia đình ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông M không đồng ý theo lối đi mới mà ông Đ đã hướng dẫn đo đạc do lối đi này bất lợi về chiều dài và việc cải tạo trên phần đất của gia đình ông để hình thành lối đi rất khó khăn, gây thiệt hại cho gia đình ông.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa bản án dân sự sơ thẩm số 184/2020/DS-ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện T theo hướng ông M được quyền sử dụng lối đi mới theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 07/4/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, xét kháng cáo của bị đơn các ông, bà Dương Văn Đ, bà Hồ Thị A, bà Duy Thị L, Dương Văn R, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông M yêu cầu ông Đ, bà A mở cho gia đình ông lối đi có diện tích

50.8m² (chiều dài 61,4m, chiều ngang 0,83m) thuộc một phần thửa đất số 93; yêu cầu ông Rắt, bà L mở lối đi có diện tích 72m² (chiều dài 64,4m, chiều ngang 1,17m) thuộc một phần thửa đất số 58, cùng tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre. Các bị đơn không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn ông Đ, bà A đồng ý mở cho ông M lối đi thuộc thửa đất số 4, tờ bản đồ số 10 của ông, bà với chiều ngang 01m, chiều dài hết chiều dài của đất như đã thể hiện tại họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 07/4/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T.

[2] Gia đình ông M đang sử dụng thửa đất số 02, tờ bản đồ số 10 có diện tích 5816m². Phía sau thửa đất của ông M giáp kênh nên để đi ra lộ công cộng thì gia đình ông M phải đi qua thửa đất số thửa 93, tờ bản đồ số 24 của ông Đ, bà A và thửa 58, tờ bản đồ số 24 của ông Rắt, bà L. Ngoài lối đi trên thì hộ ông M không có lối đi nào khác nên ông M khởi kiện yêu cầu mở lối đi qua là phù hợp. Theo trình bày của bị đơn ông Đ thì lối đi như bản án sơ thẩm tuyên sẽ chia cắt phần đất của gia đình ông và gia đình cha của ông là ông Rắt, ảnh hưởng đến quyền sử dụng đất sau này của các bên, đất của dòng họ trong gia đình không thể liên ranh, lời trình bày có một phần căn cứ để xem xét. Do đó ông Đ đã đề nghị cấp phúc thẩm xem xét thẩm định, đo đạc lối đi ông đồng ý mở tại thửa 04, tờ bản đồ số 10 của gia đình ông để làm lối đi cho gia đình nguyên đơn. Theo đề nghị của ông Đ, cấp phúc thẩm tiến hành thu thập chứng cứ. Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc ngày 04/3/2021 thể hiện ông Đ, bà A đồng ý mở cho ông M lối đi trên thửa đất số 04, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre với chiều ngang 01m, chiều dài ra đến đường công cộng, có tứ cận: phía Bắc giáp thửa 02, tờ bản đồ số 10; phía Nam giáp đường công cộng; phía Đông, phía Tây giáp với phần đất còn lại của thửa 04, tờ bản đồ số 10. Theo biên bản này, đội đo đạc đã tiến hành đo vẽ lối đi theo sự hướng dẫn của ông Đ. Trên lối đi này có 02 đoạn murong, đoạn thứ nhất có chiều ngang 1,5m, đoạn thứ hai có chiều ngang 2m, đầu trong của lối đi này tiếp giáp với phần đất của ông M. Ông Đ đồng ý cho ông M xây cầu, cải tạo lối đi nhưng chiều cao của đoạn cầu phần giáp đất ông M phải đảm bảo việc ghe, xuồng nhà ông qua lại. Ông Đ, bà A tự nguyện không yêu cầu gia đình ông M đền bù thiệt hại về tài sản cũng như quyền sử dụng đất đối với lối đi ông đồng ý mở.

Tại phiên tòa, ông M trình bày việc sử dụng lối đi mới như ông Đ hướng dẫn đo sẽ ảnh hưởng đến quyền sử dụng đất của ông, cụ thể: tiếp giáp với lối đi ông Đ đồng ý mở là phần murong lạng, chuồng heo, các bể nước và một phần nhà bếp của gia đình ông. Nếu sử dụng lối đi này vào nhà ông thì xa gấp 03 lần so với lối đi

trước đây và ông phải cải tạo trên phần đất của mình, việc cải tạo rất khó khăn và gây thiệt hại lớn cho gia đình ông.

Xét thấy, thiệt hại do các bên đưa ra là có căn cứ nhưng việc ít gây thiệt hại nhất cho người có quyền sử dụng đất được ưu tiên nên yêu cầu của ông Đ về việc cho gia đình ông M sử dụng lối đi mới phù hợp hơn so với yêu cầu của ông M và đã giải quyết được vấn đề lối đi qua cho hộ ông M.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của các bị đơn ông Đ, bà A, ông R, bà L về việc cho gia đình ông M sử dụng lối đi mới theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 07/4/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T. Ghi nhận ông M tự nguyện không yêu cầu gia đình ông Đ đền bù thiệt hại về tài sản và quyền sử dụng đất đối với phần đất mở lối đi.

[3] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Chi phí thu thập chứng cứ tại cấp phúc thẩm: 4.123.000 đồng. Ông M tự nguyện nộp và đã nộp xong.

[5] Về án phí phúc thẩm:

Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho ông Dương Văn Đ, bà Hồ Thị A.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của các ông Dương Văn Đ, bà Hồ Thị A, bà Duy Thị L, Dương Văn R. Sửa bản án sơ thẩm số 184/2020/DS-ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện T. Cụ thể tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn M về việc yêu cầu mở lối đi qua đối với ông Dương Văn Đ, bà Hồ Thị A.

2. Buộc ông Dương Văn Đ và bà Hồ Thị A phải mở lối đi có diện tích 69,2m² (ký hiệu thửa 4A), thuộc một phần thửa đất 04, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại

xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông bà để làm lối đi cho hộ ông Lê Văn M gồm: ông Lê Văn M, bà Nguyễn Thị B, chị Phạm Thị Thúy P, chị Lê Thị T, chị Lê Thị T1, chị Lê Thị Đ.

Kèm theo Họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 07/4/2021 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện T.

3. Ghi nhận ông Dương Văn Đ, bà Hồ Thị A tự nguyện không yêu cầu ông Lê Văn M, bà Nguyễn Thị B, chị Phạm Thị Thúy P, chị Lê Thị T, chị Lê Thị T1, chị Lê Thị Đ đền bù thiệt hại về tài sản và quyền sử dụng đất đối với diện tích 69,2m² đã mở lối đi.

4. Tuyên bố hạn chế quyền sử dụng đất của ông Dương Văn Đ, bà Hồ Thị A đối với phần diện tích làm lối đi mà ông Lê Văn M, bà Nguyễn Thị B, chị Phạm Thị Thúy P, chị Lê Thị T, chị Lê Thị T1, chị Lê Thị Đ được quyền sử dụng, giới hạn chiều cao lối đi là 03m (ba mét) tính từ mặt đất.

5. Ông Lê Văn M, bà Nguyễn Thị B, chị Phạm Thị Thúy P, chị Lê Thị T, chị Lê Thị T1, chị Lê Thị Đ được quyền sử dụng hạn chế quyền sử dụng đất của ông Dương Văn Đ, bà Hồ Thị A đối với phần lối đi được sử dụng. Trong quá trình sử dụng phần lối đi, ông Lê Văn M, bà Nguyễn Thị B, chị Phạm Thị Thúy P, chị Lê Thị T, chị Lê Thị T1, chị Lê Thị Đ được quyền sử chữa, cải tạo, làm cầu hoặc cống thoát nước trên lối đi hiện có để đi ra đường công cộng một cách thuận tiện nhất nhưng phải hạn chế tối đa về việc gây thiệt hại cho ông Dương Văn Đ, bà Hồ Thị A và phải tuân thủ các điều kiện được đảm bảo trong quá trình sử dụng đất của các bên mà pháp luật quy định. Đối với đoạn mương ở đầu trong của lối đi (gần phần tiếp giáp với đất của ông Lê Văn M) thì khi cải tạo lối đi phải xây cầu có chiều cao lớn hơn hoặc bằng 0,5m tính từ mặt đất.

6. Chi phí tố tụng tại cấp sơ thẩm số tiền là 1.060.000 (Một triệu không trăm sáu mươi nghìn) đồng, ông Lê Văn M tự nguyện chịu và đã nộp xong.

Chi phí tố tụng tại cấp phúc thẩm số tiền là 4.123.000 (Bốn triệu một trăm hai mươi ba nghìn) đồng, ông Dương Văn Đ tự nguyện chịu và đã nộp xong.

7. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Dương Văn Đ, bà Hồ Thị A có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Hoàn trả cho ông Lê Văn M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0007563 ngày 17 tháng 4 năm 2014, số tiền 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0021512 ngày 17 tháng 12 năm

2014 và số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0014276 ngày 06 tháng 02 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bến Tre.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho ông Dương Văn Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0003222 ngày 09 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Dũng